

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 31 /2020/DS-ST

Ngày 24-9-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Sang

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thanh

2. Bà Trương Thị Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Minh Ngân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ*** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cường – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2020/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2020/QĐST-DS, ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm T1, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Ánh T2, sinh năm 1959.

Địa chỉ: tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Đều vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/7/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Thu H trình bày:*

Ngày 18/10/2019 giữa bà với ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 có xác lập hợp đồng vay tiền, theo đó vợ chồng ông T1 vay của bà số tiền là 30.000.000

đồng, với lãi suất hai bên thoả thuận bằng lời nói là 02%/tháng. Thời hạn vay 06 tháng đến ngày 18/4/2020 sẽ trả số tiền gốc và lãi cho bà H. Kể từ khi vay tiền (ngày 18/10/2019) ông T1, bà T2 không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà; bà đã yêu cầu ông T1, bà T2 trả tiền gốc và lãi cho bà, nhưng ông T1, bà T2 không trả mà cố tình trốn tránh.

Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 phải có nghĩa vụ trả tiền vay gốc cho bà 30.000.000 đồng và tiền lãi là 0,83%/ tháng thời gian tính từ ngày 18/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2, nhưng ông T1 và bà T2 vắng mặt tại nơi cư trú; việc thay đổi nơi cư trú, làm việc của ông Tuấn và bà Tuyết gắn với thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng không thông báo cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu H biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 trả cho bà Huỳnh Thị Thu H số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi của bà Hà từ ngày 18/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 50% của lãi suất 20%/năm, tức là 0,83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 2.788.800 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Huỳnh Thị Thu H có đơn khởi kiện ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 có địa chỉ tại tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Ngày 21/9/2020, bị đơn là ông Phạm T1 có đơn yêu cầu tạm hoãn phiên tòa mở lại vào lúc 14 giờ ngày 24/9/2020 với lý do vào ngày đó, vợ chồng ông có công việc đột xuất phải đi thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 và bà T2 đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải để giải quyết vụ án, nhưng ông T1 và bà T2 cố tình trốn tránh. Nay ông T1 nại ra lý do vắng mặt để yêu cầu hoãn phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nhằm kéo dài vụ án. Nên đơn yêu cầu của ông T1 không được chấp nhận. Bị đơn là ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 và bà T2.

[1.3] Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét Hợp đồng vay tài sản giữa đương sự: Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 18/10/2019 giữa Huỳnh Thị Thu H với ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 có xác lập hợp đồng vay tiền, với số tiền vay là 30.000.000 đồng, với lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lợi nói là 02%/tháng. Thời hạn vay (là 06 tháng) đến ngày 18/4/2020 ông T1 và bà T2 sẽ trả số tiền gốc và lãi cho bà H. Như vậy, đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi suất, giữa hai bên ký kết hợp đồng tự nguyện và không vi phạm đạo đức theo quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thu H về việc yêu cầu ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 trả số tiền gốc 30.000.000 đồng: Tại hợp đồng vay tiền đề ngày 18/10/2019 có chữ ký của ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 thể hiện ông T1 và bà T2 vay tiền của bà H với số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 18/4/2020; Bà H cho rằng hiện số tiền 30.000.000 đồng chưa trả; ông T1 và bà T2 không có ý kiến phản đối với yêu cầu trả nợ gốc của bà H nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông T1 và bà T2 phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu H về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 phải trả cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 18/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo quy định là 0,83%/tháng; bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú không có ý kiến phản đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm hợp đồng kể từ ngày 18/10/2019, nên bị đơn phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 18/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo quy định là 0,83%/tháng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi từ ngày 18/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2020) là 11 tháng 06 ngày; thành tiền 30.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng 06 ngày = 2.788.800 đồng

[3] Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu H; buộc ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 2.788.800 đồng.

[4] Về án phí: Ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Hà là (32.788.800 đồng x 5%) = 1.639.000 đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Huỳnh Thị Thu H.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu H. Buộc ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 phải liên đới trả cho Huỳnh Thị Thu Hà số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và nợ lãi 2.788.800 đồng. Tổng cộng 32.788.800 đồng (ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 cùng phải chịu 1.639.000 đồng (một triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 798.000 đồng (bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0004555, ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Thu H, ông Phạm T1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thanh Sang**





